

THÀNH HOÀNG ĐẾ TRONG DIỄN TRÌNH LỊCH SỬ:
NGUỒN TƯ LIỆU VÀ NHẬN THỨC(*)

PHAN NGỌC HUYỀN*

Thành Hoàng đế nằm trên nền cũ của kinh đô Đồ Bàn của Chăm-pa xưa, là nơi đóng đô của của chính quyền trung ương Hoàng đế Thái Đức (Nguyễn Nhạc). Di tích này đã được khai quật khảo cổ học nhiều đợt với không ít công bố liên quan. Tuy nhiên, nguồn sử liệu thành văn về lịch sử thành Hoàng đế khá ít và có nhiều điểm cần được tiếp tục được làm rõ. Nghiên cứu này tiến hành khảo cứu những thư tịch Hán Nôm liên quan đến thành Hoàng đế, trên cơ sở đó kết hợp với những nghiên cứu đã công bố, trình bày một số nhận thức cơ bản về nguồn gốc, tên gọi, chu vi, diện tích và diễn trình lịch sử của thành Hoàng đế; vị trí địa - chính trị và chức năng tôn giáo, văn hóa của thành Hoàng đế.

Từ khóa: thành Hoàng đế, Đồ Bàn, Chà Bàn, tư liệu, nhận thức
Nhận bài ngày: 01/8/2025; đưa vào biên tập: 03/8/2025; phản biện: 13/9/2025; duyệt đăng: 11/12/2025

1. DẪN NHẬP

Thành Hoàng đế tọa lạc trên địa phận xã Nhơn Hậu và thị trấn Đập Đá thuộc thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định cũ, nay thuộc phường An Nhơn, tỉnh Gia Lai. Thành vốn là kinh đô Đồ Bàn của vương triều Vijaya, được vua Chăm-pa là Indravarman IV (âm Hán - Việt là Ngô Nhật Hoan) cho xây dựng từ cuối thế kỷ X - đầu thế kỷ XI. Đến cuối thế kỷ XV, thành Đồ Bàn trở thành trung tâm chính trị, quân sự, tôn giáo phồn thịnh của vương triều Vijaya. Năm 1471, sau khi vua Lê Thánh Tông đem quân chinh

phục Chăm-pa, thành đã được sát nhập vào lãnh thổ của Đại Việt. Đến thế kỷ XVIII, thành Đồ Bàn đã được thủ lĩnh của phong trào Tây Sơn là Nguyễn Nhạc chọn làm đại bản doanh. Khi Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Thái Đức, nơi đây trở thành kinh đô của chính quyền trung ương Nguyễn Nhạc và thường được gọi là thành Hoàng đế. Sau khi lật đổ vương triều Tây Sơn, triều Nguyễn đã cho triệt hạ hết các cung điện cũ của thành Hoàng đế, dỡ đá ong của thành cũ mang đi xây thành mới, sửa lầu Bát Giác làm Đền Song Trung (sau còn gọi là Đền Chiêu Trung) để thờ hai danh

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

tướng của nhà Nguyễn là Võ Tánh và Ngô Tùng Châu.

Từ cuối những năm 1970 của thế kỷ XX, thành Hoàng đế đã là đối tượng được các nhà nghiên cứu quan tâm. Dưới góc độ lịch sử, Phan Huy Lê (1978) đã có những khám phá đầu tiên về lịch sử và vai trò của thành Hoàng đế qua bài viết “Di tích thành Hoàng đế”. Nối tiếp khảo cứu ban đầu này, Vũ Minh Giang (2000), Đỗ Bang (2024) tiếp tục giới thiệu, bổ sung và làm rõ hơn vai trò của thành Hoàng đế với vị thế là một trung tâm quyền lực của vương triều Tây Sơn thời Nguyễn Nhạc. Tiếp cận dưới góc độ khảo cổ học, các nhà nghiên cứu như Ngô Văn Doanh (2006, 2007, 2011, 2020, 2023) và Lê Đình Phụng (2007, 2025) đã có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về quy mô, kiến trúc, hệ thống tường thành và tượng đá trong thành Hoàng đế. Bên cạnh các nghiên cứu chuyên biệt, nghiên cứu của Nishimura Masanari (2013) và nhóm nghiên cứu Đỗ Trường Giang, Tomomi Suzuki, Văn Quảng Nguyễn, Mariko Yamagata (2017) đã có cái nhìn liên ngành khi đặt thành cổ Đồ Bàn - Hoàng đế từ góc nhìn lịch sử và khảo cổ học để làm rõ hơn quy mô, vị trí, chức năng của tòa thành...

Nhìn chung, các thành tựu nghiên cứu đã công bố về thành Hoàng đế chủ yếu tiếp cận ở khía cạnh khảo cổ học. Các nghiên cứu dựa trên thư tịch có phần hạn chế hơn do sự tản mát về nguồn tư liệu. Thực tế, còn khá nhiều vấn đề chưa được nhận thức rõ ràng về thành Hoàng đế như nguồn gốc, tên gọi, chu vi, diện tích và diễn trình lịch sử, vị trí và chức năng của tòa thành. Vì vậy,

nghiên cứu này góp phần đưa ra một cái nhìn tổng quan, rõ ràng hơn để nhận thức về thành Hoàng đế từ góc nhìn sử học và liên ngành.

2. NGUỒN TƯ LIỆU HÁN NÔM VỀ THÀNH HOÀNG ĐẾ

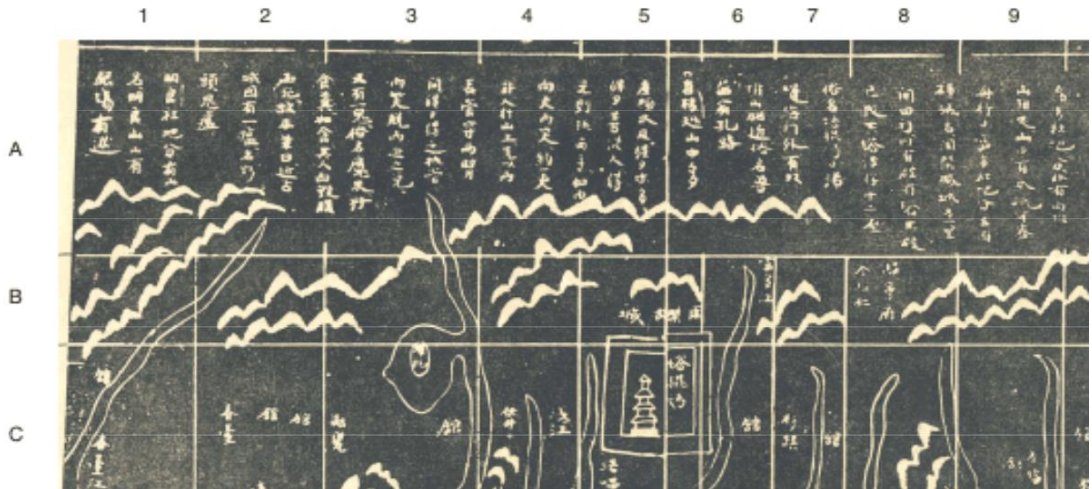
Với vai trò là một trung tâm chính trị, văn hóa, tôn giáo gắn với nhiều triều đại, thành Hoàng đế chứa đựng nhiều lớp trầm tích văn hóa đan xen. Để phục dựng và giải mã được các lớp trầm tích văn hóa đó, cần có sự kết hợp nhiều nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu khác nhau. Bên cạnh nguồn tư liệu căn bản là khảo cổ học, những thông tin từ các nguồn thư tịch Hán Nôm của Việt Nam cũng đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, nguồn tư liệu Hán Nôm thu thập được liên quan đến thành Hoàng đế hiện còn khá tản mát. Không kể những tư liệu có nhắc đến thành Hoàng đế với các tên gọi thành Đồ Bàn, Chà Bàn, Xà Bàn (Tên gọi trước của thành Hoàng đế) khi ghi chép các sự kiện liên quan đến Chiêm Thành/Chămpa như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*...⁽¹⁾, các tư liệu ghi chép thông tin trực tiếp về thành Hoàng đế có thể kể tới một số tác phẩm tiêu biểu sau:

Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư do Đỗ Bá, tự Công Đạo soạn vẽ vào thời Lê Hy Tông (1676-1705). Có thể nói đây là bộ bản đồ địa lý thứ hai của Việt Nam sau bộ *Hồng Đức bản đồ* ban hành vào năm 1490. Bộ bản đồ này để lại cho chúng ta những thông tin quý báu về giới hạn lãnh thổ nước Đại Việt thế kỷ XVII, trong đó có xứ Đàng Trong do chúa Nguyễn cai quản. Trong tác phẩm này, thông tin về thành Xà Bàn - thành

Hoàng đế được chép ngắn gọn: “Địa phận xã Phú Đa⁽²⁾, xưa có một thành gạch, gọi là thành Xà Bàn, thành vuông 1 dặm, mở ra 4 cửa, ở trong có điện có

tháp, điện đã bị hủy, tháp vẫn còn 12 tòa, tục gọi là tháp Con Gái” (dẫn theo Trần Đại Vinh, 2014: 46)

Hình 1. Vị trí thành Xà Bàn (tương ứng vị trí 5-B) và tháp Con Gái (tháp Cánh Tiên, tương ứng vị trí 5-C)



Nguồn: Trần Đại Vinh (2014: 47).

Sách *Đại Nam nhất thống chí* được biên soạn dưới thời vua Tự Đức (vào khoảng sau năm 1864). Đây là bộ sách địa lý học đầy đủ nhất dưới thời quân chủ, ghi chép rất nhiều mặt về phương vi, phân dã, duyên cách, phủ huyện, hình thế, khí hậu, phong tục, thành trì, hộ khẩu, điền phú, sơn xuyên, dịch trạm... từ Lạng Sơn đến Hà Tiên. Sách có chép một đoạn thông tin khá chi tiết về thành Hoàng đế: “Thành ở địa phận ba thôn Nam Định, Bắc Thuận và Bả Canh về phía đông bắc huyện Tuy Viễn, xưa là Quốc đô của Chiêm Thành; chu vi 30 dặm, trong thành có tháp cổ, có nghề đá, voi đá [...]. Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc [...] nhân nền cũ xây đá ong, tiếm xưng là thành Hoàng đế; năm Kỷ Mùi (1799) đầu thời Trung Hưng khi mới thu phục được đất này, đổi tên là thành Bình Định, năm Nhâm Tuất (1802)

đổi làm trấn, sau dời đến ly sở hiện nay, bèn bỏ thành này, nay vẫn còn nền cũ. Trong thành có đền Chiêu Trung thờ Hoài Quốc công Võ Tánh và Ninh Hòa quận công Ngô Tòng Chu” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, tập 3: 37-38). Ở phần giới thiệu về nhân vật, *Đại Nam nhất thống chí* cũng đề cập đến sự kiện Ngô Tòng Chu (Châu) và Võ Tánh, những nhân vật được thờ ở đền Chiêu Trung trong di tích thành Hoàng đế: “Ngô Tòng Chu: người huyện Phù Cát, đàn đờn Trung hưng làm Lễ bộ, sau cùng Hậu quân Võ Tánh giữ thành Bình Định, bị vây lương hết, bèn uống thuốc độc, chết tặng Thái tử Thái sư tước quận công; đầu đời Minh Mệnh, truy tặng Ninh hòa quận công; thờ phụ ở Thế Miếu, lại liệt thờ ở miếu Trung hưng công thần” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, tập 3: 37-38).

Lịch triều hiến chương loại chí được biên soạn, hoàn thành và dâng lên cho vua Minh Mệnh vào năm 1821. Đây là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam “Dư địa chí” được chép như sau: “Trong phủ có thành Đồ Bàn, là nơi xưa kia vua nước Chiêm ở đó, lộng lẫy kiên cố, nay dấu cũ hầy còn” (Phan Huy Chú, 2018, tập 2: 342).

Việt sử địa dư được biên soạn vào năm 1883 cũng nhắc đến thành Chà Bàn: “Thành Quy Nhơn, tức thành Chà Bàn xưa, tại huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định, nền thành cũ hiện còn” (Phan Đình Phùng, 2008: 141).

Đồ Bàn thành kí được xem là tư liệu biên khảo đầy đủ, kỹ lưỡng nhất về thành Đồ (Xà) Bàn - Hoàng đế. Tài liệu này có đoạn chép về vị trí và tên gọi của tòa thành như sau: “Thành ấy ở huyện Tuy Viễn thuộc địa phận 3 thôn Nam An, Bắc Thuận và Bả-Canh, cây tháp Tiên Xí xưa vẫn còn đó, tục gọi là thành Lồi, lại có tên là Xà thành (thành Rắn). Tây Sơn Nguyễn Nhạc xây thêm thành Xà Bàn để trú đóng, rồi mệnh danh là thành Hoàng đế [...]” (Nguyễn Văn Hiến, 1969: 233).

Nguyễn Thị Tây Sơn kí chép: “Đồ Bàn còn có tên khác là Xà Bàn là kinh đô cũ của Chiêm quốc, tại huyện Tuy Viễn, là đất thuộc ba thôn An Nam, Bắc Thuận, Bả Canh. Quy mô tương đối hẹp và thấp, Nhạc lấy nền cũ mà đắp cao lên làm thành gò đá. Chu vi mười dặm, thành cao một trượng hai thước, bề dày chừng hai trượng. Có năm cửa thành, đằng trước hai cửa, bên phải gọi là Thuật Môn, bên trái gọi là Tân Khai Môn, trước sau, trái phải đều có một cửa.

Đông nam, đông bắc, tây bắc ba góc đều xây một ngọn núi đất. Phía tây thành đắp con đê hình tại đỉnh, tây nam xây Giao [?] thành, bên trong đắp thành con, giữa dựng điện bát giác, nay là mộ vợ Võ công (tức Võ Tánh, tự đốt mà chết). Hai mặt đông và bắc là chân thành, phá đi làm đường, chỉ có tháp Tiên Xí và voi đá, nghê đá là còn, ấy là cổ vật của người Chiêm” (Khuyết danh, 2020: 31).

Một số tác phẩm kể trên được coi là nguồn tư liệu cơ bản khi cần tìm hiểu về lịch sử của thành Hoàng đế. Tuy nhiên, ngoài sự tản mát thì tính thiếu thống nhất trong các thông tin biên chép về tòa thành (như thời gian kiến tạo, quy mô kiến trúc) cũng là một thách thức khi muốn phục dựng lại lịch sử của tòa thành. Đó cũng là lý do khiến tìm hiểu về thành Hoàng đế vẫn thiếu những khảo cứu hệ thống và chuyên sâu từ tiếp cận lịch sử.

3. MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHẬN THỨC CẦN TIẾP TỤC ĐƯỢC LÀM SÁNG TỎ

Từ thực trạng sử liệu về lịch sử thành Hoàng đế trong nguồn tư liệu Hán Nôm còn khá tản mát và còn nhiều “điểm mờ”, trên cơ sở nghiên cứu đối chiếu các tư liệu có được, tác giả làm rõ hơn một số vấn đề cơ bản như sau:

3.1. Vấn đề về nguồn gốc, tên gọi của thành Hoàng đế

Nhìn chung, có nhiều tên gọi khác nhau để định danh thành Hoàng đế qua các thời kỳ lịch sử, có thể kể đến như: thành Vijaya, thành Xà Bàn, thành Đồ (Đà) Bàn, Chà Bàn, thành Lồi, thành Phật thệ, thành Quy Nhơn, thành Hoàng đế... Và các tên gọi của thành Hoàng

để trong thời kỳ trước thế kỷ XVIII thường dễ bị trùng/hiểu nhầm thành tên các tòa thành khác. Do đó, vấn đề đặt ra là cần lý giải cận kề nguồn gốc từng cái tên để tránh nhầm lẫn.

Về tên gọi Xà Bàn: Theo Nguyễn Văn Hiến (1969: 233), vua Chăm là Ngô Nhật Hoan (tức Indravarman IV) đã cho xây thành Xà Bàn/ Đồ Bàn để làm kinh đô của vương triều Vijaya từ cuối thế kỷ X - đầu thế kỷ XI. Xà Bàn là tên hiệu của Nhật Hoan, và vị vua này đã đem tên hiệu của mình đặt tên cho thành Nguyễn Văn Hiến (1969: 234) lý giải: “Vua Chiêm dùng danh từ Xà Bàn đặt tên cho các thành không phải chỉ có một nơi. Nhưng kinh thành đây còn có cả nhà tôn miếu và cung thất, thì chẳng phải đúng kinh đô hay sao?”.

Về tên gọi Đồ Bàn (閼槃): Trong tự điển chữ Hán, cùng một chữ nhưng có thể đọc thành hai âm “Đồ” và “Xà” thông với nhau, nên Xà Bàn cũng được đọc là Đồ Bàn⁽³⁾.

Tên gọi Chà Bàn được ghi chép sớm nhất dưới thời Trần và được sử dụng khá nhiều trong các thư tịch thời quân chủ, hiện chưa rõ nguồn gốc/căn cứ thực sự của tên gọi này. Ngô Văn Doanh (2006: 47) sau khi nghiên cứu về thành Cha và đưa ra giả thuyết về sự tiếp nối của hai trung tâm quân sự, chính trị quan trọng của Chăm-pa là thành Cha (giai đoạn trước) với thành Đồ Bàn (giai đoạn sau) đã đưa ra gợi mở: “Do được làm sau và lại là kinh đô của Chăm-pa trong suốt nhiều thế kỷ tiếp theo, cho nên các dấu tích và hiện vật vật chất của tòa thành Chà Bàn thứ hai này (tức thành Hoàng đế về sau) còn lại khá nhiều. Cũng vì vậy mà tòa

thành Chà Bàn ban đầu dần dần bị hư hại và bị lãng quên. Rất có thể, cái tên Cha của tòa thành cũng là một hồi tưởng còn lại về một tòa thành đã bị bỏ và quên lãng”.

Một số thư tịch như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng dùng tên gọi Phật Thệ để gọi kinh đô của Chăm-pa, trong đó có thành Đồ Bàn⁽⁴⁾. Thực tế Phật Thệ là tên chỉ ít nhất ba thành khác nhau: Kandapurpura (ở thành phố Huế hiện nay), Thành Cha và Thành Đồ Bàn/thành Hoàng đế (ở Bình Định, nay thuộc tỉnh Gia Lai).

Cuối cùng, tên gọi thành Hoàng đế xuất hiện dưới thời Tây Sơn. Tòa thành này được triều đại Tây Sơn xây dựng lại vào năm 1776 trên cơ sở thành Đồ Bàn cũ và đã được chính thức gọi tên là thành Hoàng Đế từ năm 1778. Sau khi Nguyễn Nhạc mất, năm 1793, thành Hoàng đế được đổi tên là thành Quy Nhơn. Năm 1799, Võ Tánh - viên tướng của chúa Nguyễn đã đánh chiếm được thành. Để ghi dấu sự kiện này, chúa Nguyễn Ánh cho đổi tên tòa thành là thành Bình Định (Nguyễn Văn Hiến, 1969: 243). Tên gọi này tồn tại cho đến khi triều Tây Sơn sụp đổ, vương triều Nguyễn cho phá dỡ thành để đi xây thành Bình Định ở địa điểm khác.

3.2. Diễn trình lịch sử của thành Hoàng đế

Lịch sử của thành Hoàng đế qua các thời kỳ cùng với các tên gọi khác nhau của nó, gắn với nhiều lớp văn hóa khác nhau.

Nếu chỉ xét trong khoảng thời gian sau thế kỷ X trở đi, có thể tạm chia diễn

trình lịch sử của tòa thành qua mấy giai đoạn sau:

Giai đoạn từ cuối thế kỷ XI - đầu thế kỷ XII đến trước năm 1471

Đây là giai đoạn thành Hoàng đế tồn tại với vị trí là một trung tâm chính trị, quân sự, văn hóa của vương quốc Vijaya trong lịch sử Chămpa. Các tư liệu lịch sử thành văn và tài liệu khảo cổ học cho thấy, về cơ bản, cấu trúc, hình dáng và quy mô của thành Hoàng đế vốn của thành Xà/Đồ/Chà Bàn/Vijaya xưa (theo Vũ Minh Giang, 2000: 37-38). Theo Ngô Văn Doanh (2007: 41), có thể thành Chà/Đồ Bàn được xây dựng từ sau năm 1074, khi vị vua Harivarman IV (trị vì trong khoảng thời gian từ năm 1074 đến năm 1081) giành được quyền lực. Chính những hiện vật cổ Chămpa còn lại vẫn là những mốc niên đại quan trọng nhất để xác định thời gian tạo lập và tồn tại của tòa thành Chà Bàn tại Nhơn Hậu. Trong khi đó, những con thú bằng đá phát hiện năm 1992 trong thành Chà Bàn (từ năm 1999 được đưa về trưng bày tại Bảo tàng tổng hợp tỉnh Bình Định) là những tác phẩm điêu khắc thuộc thời kỳ đầu của phong cách Tháp Mấm được xác định có niên đại cuối thế kỷ XI, đầu thế kỷ XII. Điều đó cho thấy thành Chà Bàn có thể đã được xây dựng vào cuối thế kỷ XI đầu thế kỷ XII.

Nghiên cứu về các cổ đồ của Chămpa, các tác giả Đỗ Trường Giang, Tomomi Suzuki, Nguyễn Văn Quảng và Mariko Yamagata (2017: 103-104) cũng cho rằng: “Thành Chà Bàn có thể đã được xây dựng và sau đó phát triển thành trung tâm chính trị và tôn giáo mới của Vijaya sau khi vua Jaya Harivarman lên ngôi vào nửa sau thế kỷ XII”.

Giai đoạn từ năm 1471 đến trước năm 1776

Đại Việt sử kí toàn thư chép: Tháng 8 năm Hồng Đức thứ nhất (1470), vua Chămpa là Trà Toàn thân hành đem hơn 10 vạn quân thủy bộ cùng voi ngựa đánh úp châu Hóa của Đại Việt, buộc triều đình nhà Lê Sơ phải cất quân đánh dẹp. Tháng 2 năm Hồng Đức thứ hai (1471), vua Lê Thánh Tông đích thân dẫn quân đi chinh phạt Chămpa, đánh phá thành Thị Nại: “Ngày 28, vua tiến vây thành Chà bàn. Ngày 29, vây sát chân thành mấy vòng. Tháng 3, ngày mồng 1, hạ được thành Chà Bàn... Trước là các quân dinh làm cầu bắc lên thành đã xong, Trà Toàn hàng ngày đưa đến lễ vật xin hàng [...] Vua bèn dụ cho các tướng sĩ nên kịp bắc thang lên thành. Được một lát, vua trông thấy đằng xa dinh quân tiền khu đã lên đến tường con trên thành, mới bắn 3 tiếng súng để ứng. Lại sai nội thần đem quân Thiên vũ phá cửa Đông để vào [...] Ngày mồng 2, vua thấy đã phá được thành Chà Bàn rồi, xuống chiếu đem quân về” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê, 1998, tập 2: 449).

Sau khi công hạ được thành Chà Bàn, quân đội nhà Lê Sơ bắt Trà Toàn đem về Đại Việt. Từ thời điểm lịch sử đó, thành Chà Bàn chấm dứt hoàn toàn chức năng là kinh đô của nước Chămpa và cũng bị bỏ hoang.

Giai đoạn từ năm 1776 đến năm 1802

Đây là giai đoạn tòa thành được khôi phục, sử dụng để làm kinh đô của hoàng đế Thái Đức nhà Tây Sơn.

Năm 1776, Nguyễn Nhạc cho xây dựng mở rộng thành Đồ Bàn làm sở chỉ huy

của nghĩa quân. Năm 1778, Nguyễn Nhạc lại cho đổi tên là thành Hoàng đế. Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: “Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc chiếm cứ thành này, nhân nền cũ xây đá ong, tiếm xưng là thành Hoàng đế” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, tập 3: 37). Trong giai đoạn ngắn ngủi này, thành Hoàng đế trở thành đại bản doanh của nghĩa quân Tây Sơn gắn liền với quá trình phát triển thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong giai đoạn đầu, vừa giữ vai trò kinh đô đầu tiên của vương triều nhà Tây Sơn trong lịch sử.

Đến năm 1799, Nguyễn Ánh chiếm thành Hoàng đế đổi tên là thành Bình Định. Mùa đông cuối năm 1799, hai tướng nhà Tây Sơn là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đem quân vây đánh thành Bình Định ròng rã suốt 2 năm trời. Biết không giữ nổi thành, Ngô Tùng Châu uống thuốc tự vẫn, Võ Tánh viết thư cho Trần Quang Diệu xin tha cho các tướng sỹ của mình và lên lầu Bát Giác tự thiêu. Thành trở về với nhà Tây Sơn năm 1801. Khi nhà Tây Sơn sụp đổ, mọi thành tựu của nhà Tây Sơn xây dựng đều bị nhà Nguyễn hủy hoại. Triều Nguyễn đã dỡ lấy vật liệu đá ong từ thành Hoàng đế đem đi xây thành Bình Định ở địa điểm khác. Tại tòa thành Hoàng đế cũ, triều Nguyễn cho xây lăng mộ Võ Tánh ngay trên địa điểm điện Bát Giác và lầu Bát Giác (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, tập 3: 38). Như vậy, thành Hoàng đế thời Tây Sơn đã chấm dứt sự tồn tại chỉ sau hơn hai thập kỷ.

3.3. Vị trí địa - chính trị của thành Hoàng đế

Không phải ngẫu nhiên vùng đất An Nhơn hiện nay lại được nhiều triều đại

(từ thời các vua Chăm đến Tây Sơn sau này) lựa chọn làm nơi xây dựng các trung tâm quyền lực. Điều đó chắc hẳn phải dựa vào vị trí địa - chính trị đặc biệt của vùng đất này. Thực tế, thành Đồ Bàn - Hoàng đế được xây dựng là trung tâm do có điểm tựa vào thế vững của núi Long Cốt, non xanh bầy hàng trước mặt nước biếc uốn dèo chung quanh. Trong *Đồ Bàn thành kí*, Đồ Bàn hình vuông, tường xây bằng gạch, có tháp đá để hộ vệ, không hào sâu mà vẫn kiên cố, bên trong có lầu các lan can, tháp núi là từng án thứ nhất, bên hữu lấy núi Phong làm lũy, bên tả lấy bể [biển] làm hào, núi Cù Mông như rồng cuộn khúc ở phía trước, bến Thạch Tân như cạp hùng cứ ở mặt sau, quả là nơi hiểm trở thiên nhiên vậy. Nhờ có địa hình như trên nên đã chặn con đường Đa Bang để ngăn đoàn quân của Thoát Hoan có thể tiến sâu hơn... Ché Bồng Nga cắm cọc ở phía ngoài thành rồi dựng mưu đánh bại quân nhà Trần. Coi đó đủ biết về phần địa lợi cũng đủ tin chắc vậy (Nguyễn Văn Hiến, 1969: 241-242).

Các tác giả sách *Bình Định: Danh thắng và di tích* (2000) cho rằng: “Nhìn về địa thế tự nhiên, tòa thành Hoàng đế còn được phòng vệ bằng cả một hệ thống sông ngòi, núi đồi, gò tự nhiên và nhân tạo bao bọc xung quanh” (Vũ Minh Giang, 2000: 128).

Thực tế, thành Hoàng đế không chỉ là một căn cứ quân sự đơn thuần mà sau đó còn là kinh đô của triều đình Nguyễn Nhạc được bố phòng khá chắc chắn. Sông Đập Đá tách ra ở Thiết Trụ (xã Nhơn Mỹ) rồi hợp lại ở Lý Tây (xã Nhơn Thành) đã bao bọc thành Hoàng đế như

những con hào tự nhiên, đồng thời là những con đường thủy thuận lợi. Phía tây bắc thành còn dấu vết một bến thuyền xưa ở khu vực Bến Gỗ. Từ đó thuyền có thể theo đường sông Quai Vạc trở lại sông Côn rồi ngược lên Thượng Đạo hoặc xuôi theo sông Đập Đá, sông Đại An về phía đông ra cửa Thị Nại. Cùng với tuyến sông - hào, các gò núi quanh thành cũng đóng vai trò không nhỏ trong hệ thống phòng thủ. Phía nam thành có gò Vân Sơn, gò nhỏ trong hệ thống phòng thủ. Phía nam thành có gò Vân Sơn, gò Tập. Đây là những cao điểm lợi hại án ngữ phía nam thành Ngoại (Vũ Minh Giang, 2000: 131-132). Thành Đồ Bàn còn là tấm lá chắn vững chắc bảo vệ mặt biển, trấn giữ Thị Nại - một thương cảng lớn lúc bấy giờ.

Từ vị trí địa - chính trị đặc thù của vùng đất này, có thể thấy, trong các chức năng cơ bản cần hội đủ của trung tâm chính trị (kinh thành), trung tâm quân sự (quân thành) và trung tâm kinh tế, giao thương buôn bán (thị thành) thì chức năng như một quân thành dường như là điểm nổi trội của vùng đất này. Tất nhiên, như vậy không có nghĩa là phủ nhận hết các hoạt động trao đổi hàng hóa có thể đã từng diễn ra ít nhiều ở vùng đất này với bằng chứng là đồ gốm các loại cả trong và ngoài vùng vẫn tìm thấy không ít ở đây. Tuy vậy, tính chất phòng thủ (hay tư duy thủ hiểm) dù sao vẫn là một đặc điểm nổi bật dễ nhận ra khi tìm hiểu về vị trí địa lý của vùng đất này.

3.4. Chức năng tôn giáo, văn hóa của thành Hoàng đế

Trong khoảng cuối thế kỷ XI - đầu thế kỷ XII đến nửa đầu thế kỷ XV (trước

năm 1471), bên cạnh vị thế là một trung tâm chính trị, thành Đồ Bàn/Chà Bàn còn là một trung tâm tôn giáo, văn hóa. Khi phân tích kết cấu kiến trúc của khu thành Đồ Bàn, nhà nghiên cứu Ngô Văn Doanh (2007) nhận thấy cách xây dựng nền tháp có phần giống với motif chung của một số trung tâm tôn giáo khác của vương quốc Chăm-pa. Theo mô hình một đô thành linh thiêng, các ngôi tháp Chăm-pa thường có chóp nhọn, tượng trưng cho đỉnh núi Meru – nơi các vị thần tối cao như thần Shiva ngự trị, thể hiện sự kết nối giữa trời và đất, giữa thần linh và con người. Ngôi tháp Cánh Tiên cũng được xây dựng trên quả đồi cao ở chính giữa thành, trong khi khu dinh thự của vua, quý tộc lại nằm về phía tây của tòa tháp. Thành Chà Bàn chính là hình ảnh của những dãy núi và đại dương linh thiêng của đại vũ trụ. Trong thành Chà Bàn, không có những dấu tích của các khu thương mại, buôn bán - một trong những nét đặc trưng quan trọng của kết cấu đô thị khá phổ biến trên thế giới. Do đó, thành Chà Bàn là một đô thị thiêng mang ý nghĩa như là một trung tâm tôn giáo, chính trị và văn hóa hơn là một thành thị. Những di tích, dấu tích và hiện vật còn lại trong thành Chà Bàn thời kỳ này chủ yếu là của các công trình tôn giáo và của khu cung điện.

Khi so sánh với Ăngco Thom, nhà nghiên cứu Ngô Văn Doanh (2007: 42) nhận thấy thành Chà Bàn cũng giống như Ăngco Thom, là đô thành được làm theo mô hình các đô thành cổ của Ấn Độ. Theo tác giả, thành Đồ Bàn có thể được đưa vào danh sách những “đô thành thiêng” tiêu biểu - những đô thành

chủ yếu đóng vai trò như một trung tâm tôn giáo, chính trị và văn hóa của quốc gia - ở khu vực Đông Nam Á thời cổ.

Tuy nhiên, vào thế kỷ XV, sau cuộc chinh phạt của vua Lê Thánh Tông, thành Đồ Bàn bị tàn phá và bỏ hoang khiến vị thế trung tâm tôn giáo của tòa thành không còn được như trước. Đến khi thủ lĩnh phong trào Tây Sơn là Nguyễn Nhạc dựng lại làm thành Hoàng đế, vị thế là trung tâm chính trị, quân sự của tòa thành một lần nữa được khẳng định rõ, trong khi vị thế là trung tâm văn hóa không còn có điều kiện phát triển.

3.5. Chu vi, diện tích của thành Hoàng đế

Sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: “Thành ở địa phận ba thôn Nam Định, Bắc Thuận và Bả Canh về phía đông bắc huyện Tuy Viễn, xưa là Quốc đô của Chiêm Thành; chu vi 30 dặm, trong thành có tháp cổ, có nghệ đá, voi đá, đều của người Chiêm Thành. Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc chiếm cứ thành này, nhân nền cũ xây đá ong, tiếm xưng là thành Hoàng đế...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 1997, tập 3: 37-38).

Đồ Bàn thành kí mô tả kỹ hơn: “Niên hiệu Cảnh Hưng thứ 37, nhà Tây Sơn Nguyễn Nhạc năm thứ 4 bèn nhân nơi đó mà đóng đô, mở rộng cửa đông kéo dài đến 15 dặm, tường thành được đắp cao rồi xây bằng đá ong, bề cao đến 1 trượng 4 thước, bề dày 2 trượng, mở thêm 1 cửa thành ra 5 cửa, riêng phía trước có 2 cửa, bên tả là cửa Tân Khai, bên hữu là cửa Vệ môn [...] phía tây thành có đắp con đê đỉnh nhĩ để phòng nước lụt, phía tây nam có đàn Nam Giao để tế trời đất, bên trong thành xây

thêm bức thành con, chính giữa dựng điện Bát Giác [...] phía sau là điện Chánh Tẩm (nhà chính), trước điện Bát Giác có lầu Bát Giác; hai bên dựng hai nhà thờ, bên tả thờ tổ tiên ông Nhạc, bên hữu thờ tổ tiên bà Nhạc; trước lầu Bát Giác có cung Quyển Bồng, hai bên có dãy hành lang là nơi làm việc; trước cửa cung có cửa Tam Quan cũng gọi là cửa Quyển Bồng, hay là cửa Nam Lâu mà cửa Vệ Môn đứng ở trước mặt” (Nguyễn Văn Hiến, 1969: 242-243).

Nếu chỉ căn cứ trên các tư liệu này thì thông tin về kích thước của thành Hoàng đế rất khác nhau. Nếu tính quy đổi theo đơn vị dặm của Trung Quốc thì thành Hoàng đế rộng 30 dặm (theo *Đại Nam nhất thống chí*) sẽ tương đương khoảng 15 km, hoặc nếu rộng 15 dặm (theo *Đồ Bàn thành kí*) sẽ tương đương khoảng 7,5 km.

Đến đầu thế kỷ XX, H. Parmentier (1909) đã khảo sát kỹ hơn về diện tích, chu vi của tòa thành. Ông mô tả khá rõ: Tòa thành này có cấu trúc ba lớp. Lớp ngoài cùng là thành ngoại dài 7.330m có hình dáng gần như chữ nhật, nhưng các cạnh uốn lượn không thẳng và các góc cũng không vuông. Chiều dài các cạnh không đều nhau: cạnh phía bắc dài 2.038m, cạnh phía nam dài 2.118m, cạnh phía đông tương đối thẳng dài 1.564m, cạnh phía tây uốn lượn, hơi lệch về hướng tây-nam, dài 1.610m. Thành có 5 cửa. Ngoài ba cửa Bắc, Đông, Tây, mặt phía nam có hai cửa: cửa Vệ hay còn gọi là cửa Nam và cửa Tân Khai (mới mở). Dấu tích của cả 5 cửa hiện nay vẫn còn. Thành nhìn về hướng Nam, nên cửa Vệ (cửa Nam) còn có tên là cửa Tiền, cửa Đông gọi là

cửa Tả, cửa Tây là cửa Hữu, cửa Bắc là cửa Hậu (dẫn theo Ngô Văn Doanh, 2007: 36).

Tháng 8 năm 2012, đoàn nghiên cứu do nhà khảo cổ học người Nhật Nishimura dẫn đầu đã tiến hành khảo sát tại hai thành cổ Chăm-pa ở Bình Định, trong đó có thành Chà Bàn. Kết quả chuyến khảo sát đã được Nishimura (2013) công bố trong công trình khoa học của ông. Theo đó, điểm đáng chú ý của thành Chà Bàn là các khu vực đào đắp (hoặc khu vực mở rộng) bên ngoài các thành lũy phía bắc, phía tây và phía nam. Kích thước của khu vực chính là 3,67 km², khu vực mở rộng ở phía tây là 0,67 km² và tổng diện tích của khu vực chính cộng với các khu vực mở rộng ở phía tây, nam và bắc là 4,68 km². Thành Chà Bàn - Hoàng đế do đó là thành lớn thứ hai ở Việt Nam, sau Hoàng thành Thăng Long (Nishimura, 2013: 111-113).

Nhà sử học Vũ Minh Giang (2000: 132-133) khi khảo cứu về các di tích, danh thắng của Bình Định cũng cho rằng: “Nếu với những công trình kiến trúc mà

quân Tây Sơn đã từng tu tạo và xây dựng như thành Phú Xuân (Huế), Phượng Hoàng Trung đô (Nghệ An) và các thành lũy khác trên đất Bình Định, thành Hoàng đế có quy mô lớn nhất”.

4. THAY LỜI KẾT

Nghiên cứu giới thiệu một số tư liệu thư tịch Hán Nôm chủ yếu có liên quan đến thành Hoàng đế và góp phần làm sáng rõ hơn một số nhận thức về di tích này. Qua đó, nghiên cứu đề xuất cần tiếp tục đẩy mạnh và đầu tư nguồn lực trong việc tập hợp, huy động chuyên gia của các ngành/lĩnh vực khác nhau về lịch sử, khảo cổ, văn hóa, bảo tồn di sản để nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện hơn về nguồn gốc, quá trình phát triển, sự kế thừa và chuyển tiếp của thành Hoàng đế qua các thời kỳ lịch sử. Việc tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu bao gồm cả sưu tầm, thu thập tư liệu thành văn, tư liệu khảo cổ và thực hiện các dự án nghiên cứu có liên quan góp phần làm sáng tỏ nhiều “điểm mờ” hiện còn tranh luận và chưa đủ luận cứ khoa học để nhận diện đầy đủ về lịch sử, văn hóa của tòa thành. □

CHÚ THÍCH

(*) Bài viết này là một phần trong khuôn khổ đề tài khoa học và công nghệ cấp Quốc gia (Mã số ĐTĐLXH. 17/24).

(1) Ví dụ, *Đại Việt sử kí toàn thư* có đề cập đến thành Đồ Bàn trong sự kiện năm Hưng Long thứ 20 (1312): “Trước đây, vua đi đánh Chiêm Thành, đến cửa biển Cần Hải (trước là Cần, tránh tên huý đổi là Cần), đóng quân lại, đêm nằm mơ thấy một thần nữ khóc lóc nói với vua: ‘Thiếp là cung phi nhà Triệu Tống, bị giặc bức bách, gặp phải sóng gió, trôi giạt đến đây. Thượng đế phong thiếp làm thần biển đã lâu. Nay bệ hạ mang quân đi, thiếp xin giúp đỡ lập công’. Tỉnh dậy, vua cho gọi các bô lão tới hỏi sự thực, cho tế, rồi lên đường. Biển vì thế không nổi sóng. [Quân nhà vua] tiến thẳng đến “thành Đồ Bàn”, bắt được [chúa Chiêm] đem về. Đến nay, sai hữu ty lập đền, bốn mùa cúng tế” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1998: 98). Hay như sự kiện năm Long Khánh thứ 5 (1377): “Mùa xuân, tháng giêng, ngày 23, đại quân tiến đến cửa Thi Nại 5 của Chiêm Thành, lên đến Thạch Kiều, đóng ở động Mang. Bồng Nga dựng [44a] trại bên ngoài thành Đồ Bàn, sai viên quan nhỏ là Mục Bà Ma đến trá nói dối là Bồng Nga đã chạy trốn, chỉ còn

lại thành không, nên tiến quân gấp, đừng để lỡ cơ hội...” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1998: 160-161).

Hay như *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* đề cập đến thành Chà Bàn qua ghi chép về sự kiện năm Long Khánh thứ 5 (1377): “Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua kéo quân vào đánh ‘Chà Bàn’, bị thua, mất ở vòng trận. Bọn đại tướng là Đỗ Lễ và Nguyễn Nạp Hòa, hành khiển là Phạm Huyền Linh đều chết trận cả. Ngự câu vương Húc đầu hàng Chiêm Thành...” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 636). Hay sự kiện năm Khai Đại thứ nhất (1403): “Sai Phạm Nguyên Côi và Đỗ Mẫn sang đánh Chiêm Thành, không được thắng lợi, rút quân về. Hán Thương đã lấy được đất Chiêm Động và Cổ Lũy, ...Quân thủy, quân bộ tất cả 20 vạn, đều phải chịu dưới quyền điều khiển của Nguyên Côi; người nào ra trận mà nhút nhát sẽ xử trảm, điền sản và vợ con sung công. Khi quân đã đến Chiêm Thành, sắm sửa nhiều khí giới chiến đấu, bao vây thành ‘Chà Bàn’, vì quân đi đã chín tháng, bị hết lương ăn, lại không hạ được thành, nên phải kéo về” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 695).

⁽²⁾ Các tên làng Lai Dương, Phú Đa này không còn. Chỉ có các thôn lập đời sau (xem Trần Đại Vinh, 2014: 46).

⁽³⁾ Dịch giả Trần Đại Vinh khi dịch *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư* cho rằng: Xét ra, phiên âm Xà Bàn đúng hơn. Một số người lại phiên âm là Chà Bàn, Trà Bàn là không có cơ sở.

⁽⁴⁾ Theo sách *Bình Định: danh thắng và di tích*, tác giả một số công trình nghiên cứu dựa vào thư tịch cổ Trung quốc, còn dùng các tên như Phạt Thệ (*Lý Thường Kiệt* của Hoàng Xuân Hãn), Đại Châu (*Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỷ XIII* của Hà Văn Tấn và Phạm Thị Tâm) để chỉ kinh đô Vijaya (xem thêm: Vũ Minh Giang, 2000), Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bình Định. Sở Văn hóa Thông tin Bình Định, 49).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đỗ Bang. 2024. “Thành Hoàng Đế - Trung tâm chính trị của vương triều Tây Sơn thời Thái Đức (1778-1793)”. *Tạp chí Xưa và Nay*, 560(2), tr. 14-19.
2. Đỗ Trường Giang, Tomomi Suzuki, Văn Quảng Nguyễn, Mariko Yamagata. 2017. “Champa Citadels: An Archaeological and Historical Study”. *Asian Review of World Histories* số 5, 70-105
3. Khuyết danh (Nguyễn Duy Chính dịch và giới thiệu). 2020. *Nguyễn Thị Tây Sơn kí..* TPHCM: Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Lê Đình Phụng. 2007. *Thành Hoàng Đế kinh đô vương triều Tây Sơn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Lê Đình Phụng. 2025. *Từ kinh Thành Vijaya đến kinh đô vương triều Tây Sơn*. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
6. Ngô Sĩ Liên và các sử thần thời Hậu Lê. 1998. *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản dịch) – Tập 2. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
7. Ngô Văn Doanh. 2006. Thành Cha: Thành Đồ Bàn ban đầu. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, 3, tr. 41-47.
8. Ngô Văn Doanh. 2007. Thành Chà Bàn: Niên đại và mô hình. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 3, tr. 35-42.
9. Ngô Văn Doanh. 2011. *Thành cổ Chămpa những dấu ấn thời gian*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

10. Ngô Văn Doanh. 2020. Hai tượng voi đá thành Đồ Bàn. *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, số 127, tr. 61-65.
11. Ngô Văn Doanh. 2023. Tượng Gajashimha thành Đồ Bàn. *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, số 163, tr. 54-56.
12. Nguyễn Văn Hiến. 1969. *Đồ Bàn thành kí* (Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch), bản điện tử.
13. Nishimura Masanari. 2013. Basic Study on the Citadel and Fort Sites of Dai Viet and Champa: The Second Southeast Asian Archaeology Data Monograph. *Foundation to Safeguard the Underground Cultural Heritage in Southeast Asia*.
14. Phan Đình Phùng. 2008. *Việt sử địa dư* (Nguyễn Hữu Mùi dịch và chú giải). Vinh: Nxb. Nghệ An.
15. Phan Huy Chú. (2018). *Lịch triều hiến chương loại chí* (bản dịch) – Tập 2. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
16. Phan Huy Lê. 1978. “Di tích thành Hoàng Đế”, trong *Tây Sơn Nguyễn Huệ - Kỷ yếu Hội nghị phong trào nông dân Tây Sơn và anh hùng Nguyễn Huệ*. Ty Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình, tr. 147-148.
17. Quốc sử quán triều Nguyễn. 1997. *Đại Nam nhất thống chí* (bản dịch) – Tập 3. Huế: Nxb. Thuận Hóa.
18. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (bản dịch) – Tập 2. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
19. Trần Đại Vinh (dịch). 2014. Toàn tập *Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*. Quyển chi nhất (Tự Thăng Long chí Chiêm Thành quốc). *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 2 (109).
20. Vũ Minh Giang (chủ biên). 2000. *Bình Định: Danh thắng và di tích*. Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Bình Định, Sở Văn hóa - Thông tin Bình Định.